

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DSST

Ngày: 31 - 5 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy T

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị H
- Bà Trần Thanh P

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh D – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Hải A - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 342/2022/QĐXX-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Hứa Minh N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T có đại diện ủy quyền ông Nguyễn Văn K trình bày:**

Ngày 10/10/2020, ông Hứa Minh N vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%, thời hạn vay 01 năm. Khi vay có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT644722 sau đó ông N nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đổi giấy số CX 8000xx. Nhưng thời gian sau đó ông N cũng đã

nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 8000xx. Ông N không thanh toán nợ gốc không trả lãi cho bà T nên phát sinh tranh chấp.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hứa Minh N trả số nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền nợ lãi 20% năm đối với khoản vay trong hạn và 30% / năm đối với khoản nợ quá hạn. Cụ thể yêu cầu trả nợ lãi trong hạn 12 tháng với số tiền 100.000.000 đồng và lãi quá hạn 19 tháng 20 ngày với số tiền 245.000.000 đồng, tổng 345.000.000 đồng.

Bị đơn ông Hứa Minh N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt nêi yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tòa giải quyết tranh chấp và không có cung cấp ý kiến của mình về nội nguyên đơn khởi kiện tranh chấp.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện N thụ lý và xác định quan hệ pháp luật đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông N trả nợ gốc và lãi theo quy định cho nguyên đơn. Về án phí buộc bị đơn chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện bị đơn ông Hứa Minh N yêu cầu trả số tiền nợ vay Do đó xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

2/ Về tư cách đương sự và thẩm quyền:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T; bị đơn ông Hứa Minh N. Bị đơn cư trú tại huyện N nên vụ án tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Phía nguyên đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do lần thứ 2 nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn không đến Tòa cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ông Hứa Minh N trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và 345.000.000 đồng nợ lãi. Bà T cung cấp được tài liệu chứng cứ hợp đồng cho cá nhân vay tiền, có chữ ký người vay tiền Hứa Minh N. Nội dung hợp đồng ngày 10/10/2020, ông Hứa Minh N vay bà T 500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm đến ngày 10/10/2021. Theo chứng cứ bà T cung cấp có đủ cơ sở xác định ông N có nợ bà T 500.000.000 đồng. Thời hạn vay đã hết, ông N có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó bà T khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo thỏa thuận lãi suất cho vay 2% /tháng. Lãi suất thỏa thuận cao hơn 20% / năm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi bằng mức tối đa 20% năm đối với khoản nợ gốc trong hạn tương ứng số tiền lãi 100.000.000 đồng và 30% đối với khoản nợ gốc quá hạn tương ứng số tiền lãi 245.000.000 đồng phù hợp quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

4/ Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị đơn ông N phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Như nhận định trên xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 217, 218, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đối với bị đơn ông Hứa Minh N.

Buộc ông Hứa Minh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền nợ vay gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và 345.000.000 (ba trăm bốn mươi lăm triệu) đồng nợ lãi.

Về án phí: Ông Hứa Minh N phải chịu 37.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc T 16.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009646 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tổng đạt, nê^m yết hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAT;
- VKS, THA;
- UB xã
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Duy T